

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

- 지방세기본법 시행규칙[별지 제56호서식]
■ Thông tư hướng dẫn Luật cơ bản về thuế địa phương [Mẫu đính kèm số 56]

이의신청서 ĐƠN KHIẾU NẠI

※ 색상이 어두운 난은 신청인이 작성하지 아니하며, 뒤쪽의 작성방법을 읽고 작성하시기 바랍니다. (앞쪽)
※ Người đăng ký không điền vào các ô màu tối. Vui lòng đọc cách điền đơn ở mặt sau trước khi điền. (Mặt trước)

접수번호 Số tiếp nhận	접수일 Ngày tiếp nhận	처리기간 90일 Thời gian xử lý 90 ngày
납세자 등 Người nộp thuế, v.v.	성명(법인명) Họ tên (tên pháp nhân)	주민(법인, 외국인)등록번호 Số chứng minh thư Hàn (pháp nhân, người nước ngoài)
	상호(법인인 경우 대표자) Tên thương mại (người đại diện nếu là pháp nhân)	사업자등록번호 Số đăng ký kinh doanh
	주소(영업소) Địa chỉ (doanh nghiệp)	
	전화번호 Số điện thoại (휴대전화:) (Số di động:)	전자우편주소 Địa chỉ email
대리인 Người đại diện	성명(법인명) Họ tên (tên pháp nhân)	주민(법인, 외국인)등록번호 Số chứng minh thư Hàn (pháp nhân, người nước ngoài)
	상호(법인인 경우 대표자) Tên thương mại (người đại diện nếu là pháp nhân)	사업자등록번호 Số đăng ký kinh doanh
	주소(영업소) Địa chỉ (doanh nghiệp)	
	전화번호 (휴대전화:) Số điện thoại (Số di động:)	전자우편주소 Địa chỉ email
신청내용 Nội dung đăng ký		
<div>①처분청 ① Cơ quan xử lý</div> <div>②처분통지를 받은 연월일(또는 처분이 있었음을 안 연월일) ②Năm tháng ngày nhận được thông báo xử lý(hoặc năm tháng ngày biết việc xử lý)</div>		
③통지된 사항 또는 처분의 내용(부과연월, 세목 및 세액 등을 기재) ③ Chi tiết được thông báo hoặc nội dung xử lý (điền năm và tháng tính thuế, hạng mục thuế và số tiền thuế, v.v.)		
④불복의 사유(내용이 많은 경우 별지 기재) ④ Lí do phản đối(điền trang riêng nếu có nhiều nội dung)		
⑤결정서 전자송달 신청 여부 ⑤ Có đăng ký tổng đạt quyết định qua phương thức điện tử không		
신청 [] Đăng ký []		
신청하지 않음 [] Không đăng ký []		

「지방세기본법」 제90조 및 같은 법 시행령 제59조제1항에 따라 이의신청합니다.

Tôi xin đăng ký như trên theo Điều 90 “Luật Cơ bản về thuế địa phương” và khoản 1 Điều 59 Nghị định hướng dẫn Luật này.

년 월 일
Năm tháng ngày

신청인
Người đăng ký

(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

지방자치단체의 장 귀하

Kính gửi người đứng đầu chính quyền địa phương

첨부서류 Hồ sơ đính kèm	1. 불복사유서(불복의 사유를 별지로 기재한 경우) 1. Tờ trình lí do phản đối (nếu lí do phản đối được nêu riêng) 2. 불복사유에 대한 증거서류(첨부서류가 많을 경우 목록 별도 첨부) 2. Tài liệu chứng minh lí do phản đối (đính kèm danh sách riêng nếu có nhiều tài liệu đính kèm)	수수료 없음 Không mất phí
---------------------------	---	-------------------------

위 이의신청에 관한 모든 권한을 위의 대리인에게 위임합니다.

Mọi quyền hạn liên quan đến khiếu nại trên được ủy quyền cho người đại diện trên.

위임자

(서명 또는 인)

Người uỷ quyền

(Kí tên hoặc đóng dấu)

이의신청서 접수증 PHIẾU TIẾP NHẬN ĐƠN KHIẾU NẠI

(접수번호 호)
(Số tiếp nhận)

성명(법인명) Họ tên (tên pháp nhân)		주소(영업소) Địa chỉ (doanh nghiệp)	
접수자 Người tiếp nhận		접수일자 Ngày tiếp nhận	

210mm×297mm[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]

작성방법
Cách điền đơn

□ 신청내용

□ Nội dung đăng ký

- ① 처분청: 처분을 한 행정기관을 적습니다.
- ① Cơ quan xử lý: Điền cơ quan hành chính đã thực hiện việc xử lý.
- ② 처분통지를 받은 연월일: 통지받은 연월일을 적습니다.
- ② Ngày nhận được thông báo xử lý: Điền năm tháng ngày nhận thông báo.
- ③ 통지된 사항 또는 처분의 내용: 통지 또는 처분의 내용을 적습니다.
- ③ Chi tiết được thông báo hoặc nội dung xử lý: Điền nội dung xử lý hoặc thông báo.
- ④ 불복의 사유: 불복하는 사유를 적습니다.
- ④ Lý do phản đối: Điền lý do phản đối.
- ⑤ 결정서 전자송달 신청 여부: 신청여부에 따라 해당하는 곳에 체크[√] 합니다.
- ⑤ Có đăng ký tổng đạt quyết định qua phương thức điện tử hay không Đánh dấu[√] vào ô thích hợp tương ứng với việc có đăng ký hay không.

□ 제출기관

□ Cơ quan nộp

- 특별시세·광역시세·도세[도세 중 특정부동산에 대한 지역자원시설세 및 시·군세에 부가하여 징수하는 지방교육세와 특별시세·광역시세 중 특별시분 재산세, 특정부동산에 대한 지역자원시설세 및 구세(군세 및 특별시분 재산세를 포함한다)에 부가하여 징수하는 지방교육세는 제외한다]의 경우에는 시·도지사에게, 특별자치시세·특별자치도세의 경우에는 특별자치시장·특별자치도지사에게, 시·군·구세[도세 중 특정부동산에 대한 지역자원시설세 및 시·군세에 부가하여 징수하는 지방교육세와 특별시세·광역시세 중 특별시분 재산세, 특정부동산에 대한 지역자원시설세 및 구세(군세 및 특별시분 재산세를 포함한다)에 부가하여 징수하는 지방교육세를 포함한다]의 경우에는 시장·군수·구청장에게 제출하여야 합니다.
- Trường hợp thuế thủ đô, thuế thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi), thuế tỉnh (do) [không bao gồm thuế cơ sở tài nguyên địa phương đối với bất động sản cụ thể và thuế giáo dục địa phương được thu thêm vào thuế thành phố (si), huyện (gun) trong thuế tỉnh (do); thuế tài sản thủ đô, thuế cơ sở tài nguyên địa phương đối với bất động sản cụ thể và thuế giáo dục địa phương được thu thêm vào thuế quận (gu) (bao gồm thuế quận (gu) và thuế tài sản thủ đô) trong thuế thủ đô, thuế thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi)], phải nộp cho Thị trường, Thống đốc tỉnh (do); trường hợp thuế thành phố tự trị đặc biệt, thuế tỉnh tự trị đặc biệt [bao gồm thuế cơ sở tài nguyên địa phương đối với bất động sản cụ thể và thuế giáo dục địa phương được thu thêm vào thuế thành phố (si), huyện (gun) trong thuế tỉnh (do); thuế tài sản thủ đô, thuế cơ sở tài nguyên địa phương đối với bất động sản cụ thể và thuế giáo dục địa phương được thu thêm vào thuế quận (gu) (bao gồm thuế quận (gu) và thuế tài sản thủ đô) trong thuế thủ đô, thuế thành phố trực thuộc trung ương (gwangyeoksi)], phải nộp cho Thị trường thành phố tự trị đặc biệt, Thống đốc tỉnh tự trị đặc biệt; trường hợp thuế thành phố (si), huyện (gun), quận (gu), phải nộp cho thị trường, chủ tịch huyện (gun), chủ tịch quận (gu).

처리절차
Quy trình xử lý

신청서 제출 Nộp đơn đăng ký	→	접수 Tiếp nhận	→	첨부서류 확인 및 검토 Kiểm tra và xác nhận hồ sơ đính kèm	→	심의·의결 Thẩm tra, đánh giá	→	결정 Phê duyệt	→	결정서 송달 Tổng đạt quyết định
신청인 Người đăng ký		지방자치단체 Chính quyền địa phương		지방자치단체 Chính quyền địa phương		지방세심의위원 회 Ủy ban thẩm tra thuế địa phương		지방자치단체 Chính quyền địa phương		지방자치단체 Chính quyền địa phương